

Bản án số: 80/2024/DS-ST
Ngày: 22-5-2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng góp hội”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Hạnh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Vân.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Ngọc Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri – Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Dương Thy Trúc Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2023/TLST-DS ngày 09/10/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2024/QĐST - DS ngày 01 tháng 4 năm 2024 (Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2024/QĐST - DS ngày 24 tháng 4 năm 2024) giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị R, sinh năm 1968;

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Mai Văn R, sinh năm 1962. Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Lê Quốc T, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 28/7/2023 và trong quá trình tố tụng người đại diện

theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Trần Thị R tham gia chơi hụi do chị Nguyễn Thị L làm chủ hụi:

Dây hụi khai ngày 30/01/2020 (âm lịch), loại hụi 3.000.000 đồng, có 25 phần, bà Trần Thị R tham gia 02 phần, khai vào ngày 30 hàng tháng. Bà Trần Thị R đóng được 18 tháng tổng số tiền 79.500.000 đồng (đóng từ ngày 01/5/2020 đến ngày 05/5/2021), đến ngày 30/02/2022 mãn hụi.

Dây hụi khai ngày 25/4/2020 (âm lịch), loại hụi 2.000.000 đồng, có 26 phần, bà Trần Thị R tham gia 02 phần, khai vào ngày 30 hàng tháng. Bà Trần Thị R đóng được 14 tháng tổng số tiền 39.480.000 đồng (đóng từ ngày 25/4/2020 đến ngày 30/5/2021), đến ngày 25/6/2022 mãn hụi.

Tổng số tiền hụi bà Trần Thị R đóng tổng cộng là 118.980.000 đồng, đến tháng 8/2021 chị Loan tuyên bố vỡ hụi và hứa trả tiền vốn cho bà Trần Thị R. Do chị Phương (hàng xóm) có thiếu chị Loan số tiền 13.000.000 đồng, chị Loan kêu bà Phương trả cho bà Trần Thị R số tiền 13.000.000 đồng; chị Phương trả cho bà Trần Thị R 6 lần từ tháng 5/2022 đến tháng 10/2022 đã trả số tiền 13.000.000 đồng. Sau khi trừ số tiền 13.000.000 đồng thì chị Loan còn thiếu 105.980.000 đồng.

Việc chơi hụi chị Loan ghi vào sổ hụi giao cho hụi viên, các lần đóng tiền hụi chị Loan có ghi vào sổ. Bị đơn thiếu 105.980.000 đồng tiền hụi đến nay không có trả. Nguyên đơn yêu cầu chị Loan, anh Tuấn liên đới trả số tiền hụi 105.980.000 đồng.

Về số tiền vay, nguyên đơn trình bày như sau: Ngày 15/5/2021 bị đơn có vay bà Trần Thị R số tiền 50.000.000 đồng, thỏa thuận khi nào lấy báo trước 01 tháng, giấy nợ do chị Loan ghi. Sau đó chị Loan có trả số tiền vay như sau: Ngày 13/7/2021 trả 10.000.000 đồng, ngày 27/9/2021 trả 5.000.000 đồng, ngày 27/12/2021 trả 7.000.000 đồng, tính đến ngày 27/12/2021 trả được 22.000.000 đồng còn nợ là 28.000.000 đồng. Đầu năm 2022 chị Loan mở quán cơm mỗi ngày trả 50.000 đồng nhưng trả không đều, trước ngày 30/7/2022 (không nhớ ngày cụ thể), hai bên cộng sổ thống nhất chị Loan đã trả góp được 8.000.000 đồng và kết lại chị Loan còn thiếu 20.000.000 đồng. Bà Trần Thị R ghi vào sổ chị Loan hàng chữ ‘tổng cộng còn lại 20.000.000 đồng tới ngày 30/7 đóng tiếp’. Ngày 24/12/2022 chị Loan có nhờ chị Gái trả 2.000.000 đồng. Ngày 18/02/2023 chị Loan nhờ chị Gái trả 1.000.000 đồng. Như vậy tính đến ngày 18/02/2023 số tiền 50.000.000 chị Loan vay đã trả cho bà Trần Thị R là 33.000.000 đồng. Chị Loan còn thiếu bà Trần Thị R 17.000.000 đồng, số tiền này bà Trần Thị R không yêu cầu trong vụ án này.

** Theo bản tự khai ngày 08/8/2023 và trong quá trình tố tụng bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:*

Dây hụi khui ngày 30/01/2020, loại hụi 3.000.000 đồng (khui vào 30 hàng tháng) 25 phần, bà Trần Thị R chơi 02 phần, đóng được 56.140.000 đồng (từ ngày 05/6/2020 đến ngày 05/5/2021); theo sổ hụi của bà Trần Thị R, đoạn ghi 05 tháng tổng cộng 22.200.000 đồng chị không xác định có hay không.

Dây hụi khui ngày 25/4/2020, loại hụi 2.000.000 đồng (khui vào 30 hàng tháng) 26 phần, bà Trần Thị R chơi 02 phần, đóng được 14 lần (từ ngày 25/4/2020 đến ngày 30/5/2021) số tiền 40.060.000 đồng.

Tổng 02 dây hụi là 96.200.000 đồng, chị trả cho bà Trần Thị R cụ thể: Vợ ông 10 Huệ thiếu chị 3.800.000 đồng, chị nói vợ ông 10 Huệ trả cho bà Trần Thị R số tiền 3.800.000 đồng. Chị Nguyễn Thị Phương thiếu chị 13.000.000 đồng, chị nói chị Phương trả cho bà Trần Thị R. Có lần chị trả 5.000.000 đồng, trả mỗi ngày 500.000 đồng, có khi 300.000 đồng, mấy ngày trả 1.000.000 đồng, sau đó sụt xuống mỗi ngày 200.000 đồng; chị trả tiền không nhớ ngày tháng; bà Trần Thị R thiếu 01 phần hụi chết 04 tháng 12.000.000 đồng. Chị cộng lại tổng số tiền đã trả vào sổ bà Trần Thị R trừ số tiền hụi và 50.000.000 đồng chị vay của bà Trần Thị R thì chị còn thiếu lại 20.000.000 đồng. Sau đó, chị có gửi cho bà Nguyễn Thị Gái, địa chỉ: ấp 9, xã Bảo Thạnh trả cho bà Trần Thị R 3.000.000 đồng nên chị chỉ còn thiếu bà Trần Thị R là 17.000.000 đồng.

** Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Quốc T trình bày:* Việc chị Loan chơi hụi không liên quan đến anh, nếu ai đòi nợ có chữ ký của anh thì đưa ra. Anh không liên quan mà đòi, làm mất uy tín sao anh làm ăn được.

Tại Tòa:

** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Dây hụi khui ngày 30/01/2020 (âm lịch), loại hụi 3.000.000 đồng, bà Trần Thị R đóng được 18 tháng tổng số tiền 78.340.000 đồng (đóng từ ngày 01/5/2020 đến ngày 05/5/2021).

Dây hụi khui ngày 25/4/2020 (âm lịch), loại hụi 2.000.000 đồng, bà Trần Thị R đóng được 14 tháng tổng số tiền 40.060.000 đồng (đóng từ ngày 25/4/2020 đến ngày 30/5/2021).

Tổng 02 dây hụi bà Trần Thị R đóng là 118.400.000 đồng. Chị có trả được 13.000.000 đồng (do bà Phương thiếu chị Loan, chị Loan kêu chị Phương trả cho bà Trần Thị R). Do đó số tiền còn lại 105.400.000 đồng.

Số tiền chị Loan vay của bà Trần Thị R 50.000.000 đồng vào ngày 15/5/2021, chị Loan còn thiếu lại 17.000.000 đồng. Số tiền trả thể hiện mặt sau của biên nhận:

Ngày 13/7/2021 trả 10.000.000 đồng, ngày 27/9/2021 trả 5.000.000 đồng, ngày 27/12/2021 trả 7.000.000 đồng, tính đến ngày 27/12/2021 trả được 22.000.000 đồng còn nợ là 28.000.000 đồng. Sau đó (đầu năm 2022) chị Loan mở quán cơm mỗi ngày trả 50.000 đồng nhưng trả không đều, trước ngày 30/7/2022 (không nhớ ngày cụ thể), hai bên cộng sổ thống nhất chị Loan đã trả góp được 8.000.000 đồng và kết lại chị Loan còn thiếu 20.000.000 đồng. Bà Trần Thị R ghi vào sổ chị Loan hàng chữ ‘tổng cộng còn lại 20.000.000 đồng tới ngày 30/7 đóng tiếp’. Ngày 24/12/2022 chị Loan có nhờ chị Gái trả 2.000.000 đồng. Ngày 18/02/2023 chị Loan nhờ chị Gái trả 1.000.000 đồng. Như vậy tính đến ngày 18/02/2023 số tiền vay 50.000.000 chị Loan đã trả cho bà Trần Thị R là 33.000.000 đồng. Chị Loan còn thiếu bà Trần Thị R 17.000.000 đồng, số tiền này bà Trần Thị R không kiện trong vụ án này.

Tại Tòa các biên nhận chị Loan cung cấp là số tiền bà Trần Thị R hốt của các dây hụi khác không liên quan đến số tiền này. Nguyên đơn chị Loan và anh Tuấn liên đới trả số tiền hụi là 105.400.000 đồng. Trường hợp chậm trả tiền thì nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:*

Số tiền bà Trần Thị R đóng dây hụi khai ngày 30/01/2020, loại hụi 3.000.000 đồng và dây hụi khai ngày 25/4/2020, loại hụi 2.000.000 đồng bao nhiêu chị không nhớ. Sổ hụi của bà Trần Thị R là do chị ghi, hụi viên tham gia chị điều ghi giao 01 cuốn sổ. Ngày 05/5/2020 chị vay của bà Trần Thị R 50.000.000 đồng, có trả dần cho bà Trần Thị R: 20.000.000 đồng, 10.000.000 đồng, 5.000.000 đồng, 5.000.000 đồng, 2.000.000 đồng và chị có trả nhiều lần sau đó. Việc trả tiền cho bà Trần Thị R chị có ghi sổ nhưng trong lúc bà Trần Thị R gây gổ với chị thì bà Trần Thị R lấy sổ nên không còn. Chị và bà Trần Thị R đã tính tất cả số nợ hụi và vay, chị chỉ còn thiếu 20.000.000 đồng, chị có biên nhận này. Chị có nhờ chị Gái trả 3.000.000 đồng nên còn lại là 17.000.000 đồng. Bà Trần Thị R cho rằng chị còn thiếu số tiền hụi 105.400.000 đồng là chị không đồng ý. Việc chơi hụi là do chị chơi không liên quan đến anh Tuấn.

** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:*

- Về thủ tục: Trong quá trình tố tụng, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục phiên tòa. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, riêng anh Tuấn đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

- Về nội dung: Nguyên đơn tham gia dây hụi ngày 30/01/2020, dây hụi ngày 25/4/2020; số tiền nguyên đơn đóng hụi tổng cộng 118.400.000 đồng. Bị đơn thống

nhất 02 dây hụi nguyên đơn tham gia. Qua chứng cứ, nguyên đơn cung cấp sổ hụi, biên nhận vay số tiền 50.000.000 đồng; bị đơn cung cấp biên nhận số tiền 20.000.000 đồng, biên nhận giao tiền hụi. Nhận thấy các biên nhận bị đơn cung cấp không liên quan đến dây hụi nguyên đơn khởi kiện, số tiền nguyên đơn khởi kiện phù hợp với sổ hụi bị đơn ghi. Do đó, nguyên đơn khởi kiện là có cơ sở. Việc bị đơn chị Loan tổ chức chơi hụi nhằm cải thiện cuộc sống gia đình và qua xác minh thì chị Loan và anh Tuấn vẫn giữ mối quan hệ hôn nhân trong thời gian chị Loan tổ chức chơi hụi nên anh Tuấn phải có trách nhiệm liên đới. Do đó, căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự, Nghị định số 19 ngày 19/02/2019 của Chính phủ; Điều 27, 37, 60 Luật hôn nhân gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị Loan và anh Tuấn liên đới trả tiền hụi cho bà Trần Thị R là 105.400.000 đồng. Trường hợp chậm trả thì phải chịu lãi trong giai đoạn thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Quốc T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Tuấn là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị R yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Quốc T liên đới trả số tiền hụi 105.400.000 đồng. Trường hợp chậm trả thì yêu cầu tính lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án. Hội đồng xét xử xét thấy:

Sổ hụi của nguyên đơn cung cấp thể hiện dây hụi khai ngày 30/01/2020, loại hụi 3.000.000 đồng, nguyên đơn đóng được 18 lần tổng số tiền 78.340.000 đồng; dây hụi khai ngày 25/4/2020, nguyên đơn đóng được 14 lần tổng số tiền 40.060.000 đồng. Bị đơn thừa nhận sổ hụi do bị đơn ghi nhưng không nhớ số tiền hụi nguyên đơn đóng. Việc bị đơn cho rằng tiền hụi và số tiền bị đơn vay 50.000.000 đồng của nguyên đơn đã kết toán chỉ còn thiếu 20.000.000 đồng; nguyên đơn chỉ thừa nhận bị đơn trả tiền hụi 13.000.000 đồng. Biên nhận ghi “tổng cộng còn lại 20.00000 (hai chục triệu) tới ngày 30 tháng 7 đóng tiếp”, biên nhận này không ghi ngày tháng lập, không ghi tiền gì; nguyên đơn cho rằng biên nhận kết toán tiền vay và không tranh chấp trong vụ án này. Bị đơn cho rằng không còn thiếu tiền hụi của nguyên đơn nhưng sổ ghi hụi không thể hiện đã thanh toán xong và bị đơn không có chứng cứ nào khác chứng minh đã trả

xong số tiền hối.

Xét việc bà Trần Thị R tham gia chơi hối do chị Loan tổ chức chơi hối là trên cơ sở tự nguyện nhưng tháng 8/2021 chị Loan chấm dứt chơi hối mà không thanh toán tiền cho hối viên là vi phạm nên bà Trần Thị R khởi kiện yêu cầu trả số tiền hối 105.400.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật theo Điều 471 Bộ luật dân sự. Qua xác minh, chị Loan và anh Tuấn ly hôn vào năm 2002, đến ngày 09/10/2018 thì đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã Bảo Thạnh và đến ngày 18/5/2023 ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 99/2023/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri. Do đó, việc chị Loan tổ chức chơi hối là trong thời kỳ hôn nhân với anh Tuấn và việc chị Loan tổ chức chơi hối nhằm tạo thêm thu nhập phục vụ kinh tế gia đình nên anh Lê Quốc T phải có nghĩa vụ liên đới theo Điều 27, 37, 60 Luật hôn nhân và gia đình nên buộc chị Loan, anh Tuấn liên đới trả cho bà Trần Thị R số tiền hối 105.400.000 đồng. Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu tiền lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

[2] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí DS – ST: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn chị Nguyễn Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Quốc T phải nộp (105.400.000 đồng x 5%) = 5.270.000 đồng theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 468 Bộ luật dân sự; Điều 18, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ; Điều 27, 37, 60 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị R. Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Quốc T liên đới trả cho nguyên đơn bà Trần Thị R số tiền hối 105.400.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu bốn trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí DS-ST: Bị đơn chị Nguyễn Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Quốc T phải nộp 5.270.000 đồng (Năm triệu hai trăm bảy mươi ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Trần Thị R số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.650.000 đồng (Hai triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai số 0006590 ngày 18/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Quốc T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Hồng Hạnh